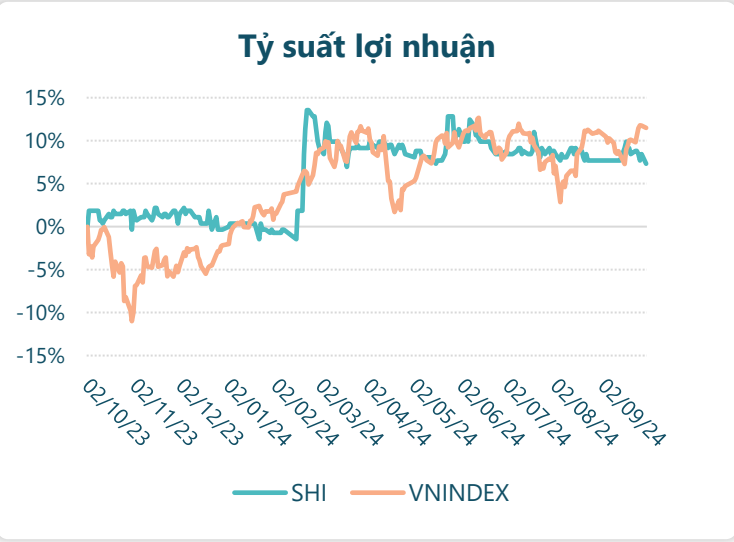


Ngày	14,650 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.3%	-1.0%	-1.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,450 - 15,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,371
Số lượng CPLH (CP)	161,857,589
KLGD BQ 20 phiên (CP)	556,010
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.03
EPS	358
P/E	41.0



Doanh thu thuần

Q3/24

2,568

tỷ VNĐ

QoQ: ▼332 | -11.5%

YoY: ▲ 454 | 21.5%

Nợ/VCSH

Q3/24

306%

YoY: +/-▼ 2.1%

LN gộp

Q3/24

249

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.0 | 13.6%

YoY: ▲ 49.0 | 24.4%

ROE (TTM)

Q3/24

2.9%

YoY: +/-▲ 2.0%

LN trước thuế

Q3/24

78.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 61.2 | 360%

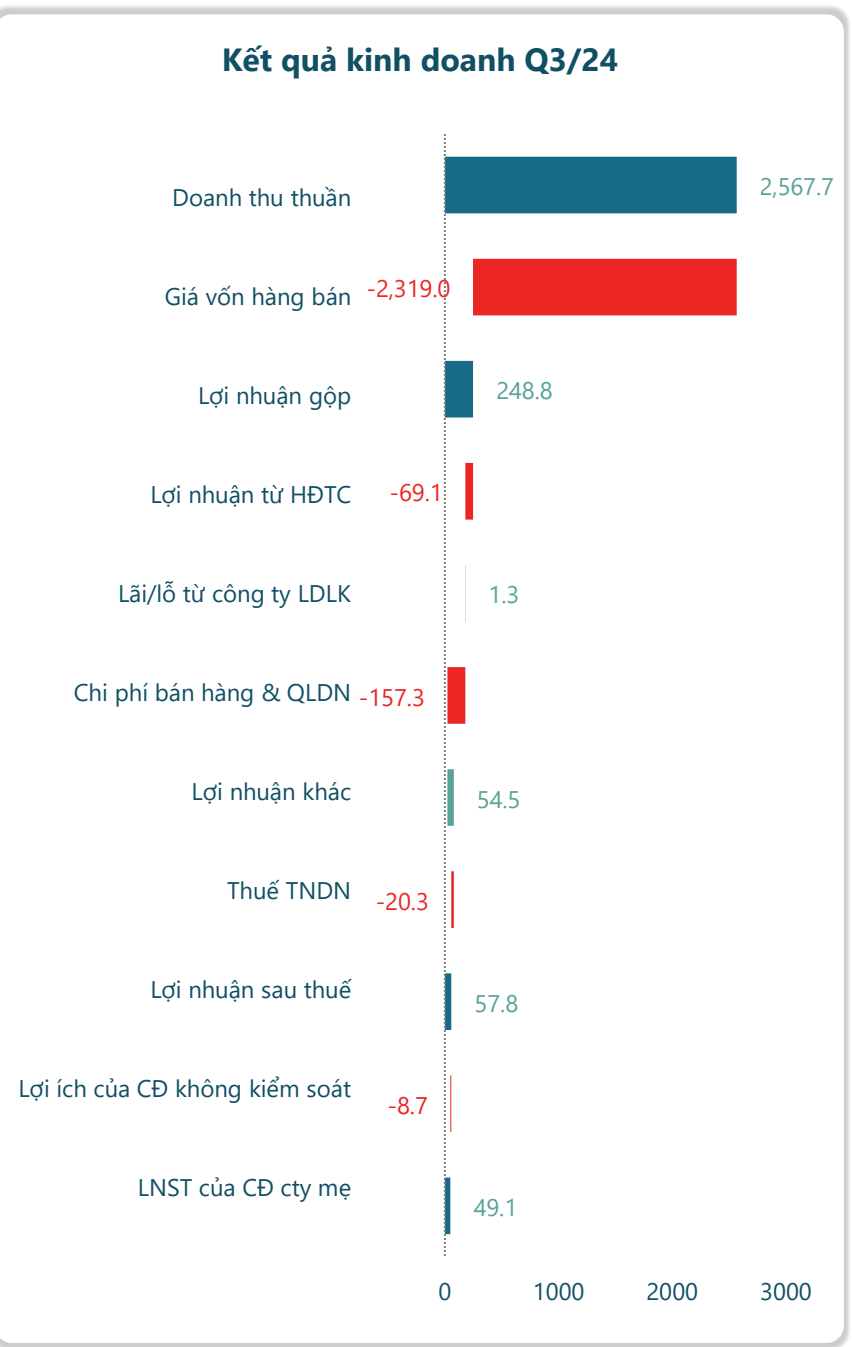
YoY: ▲ 63.3 | 424%

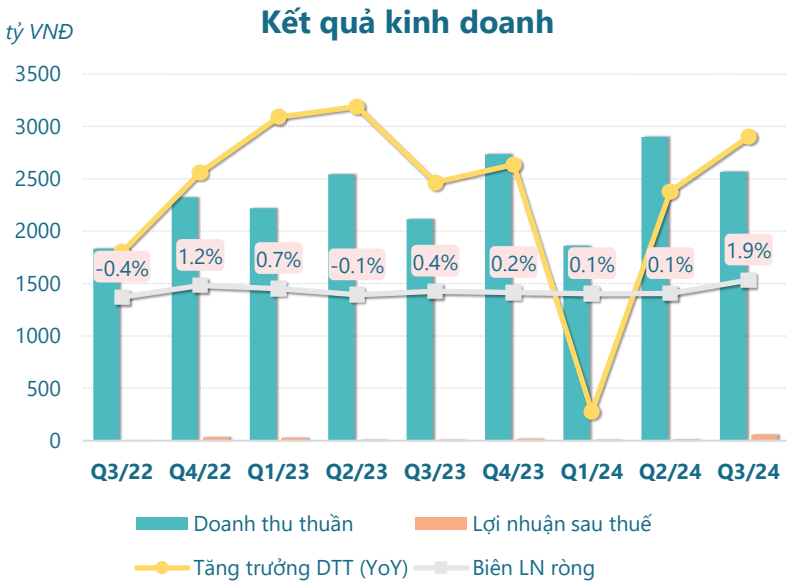
ROA (TTM)

Q3/24

0.7%

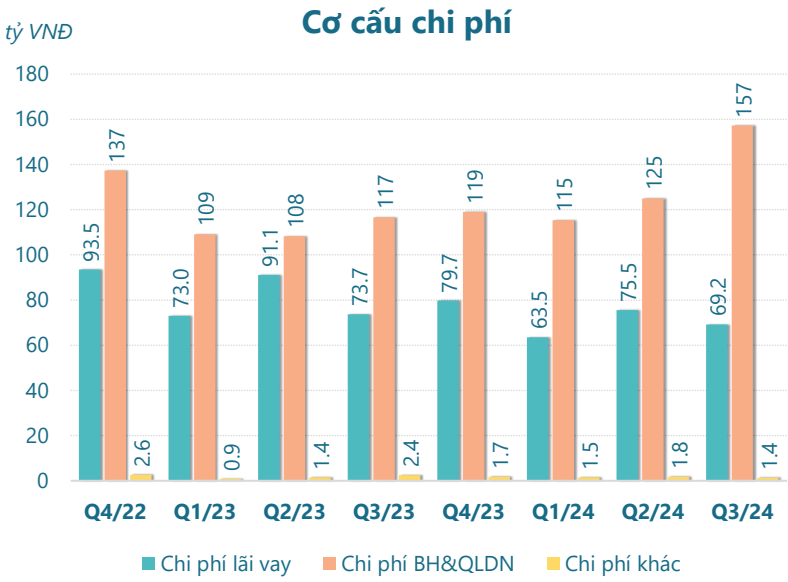
YoY: +/-▲ 0.5%





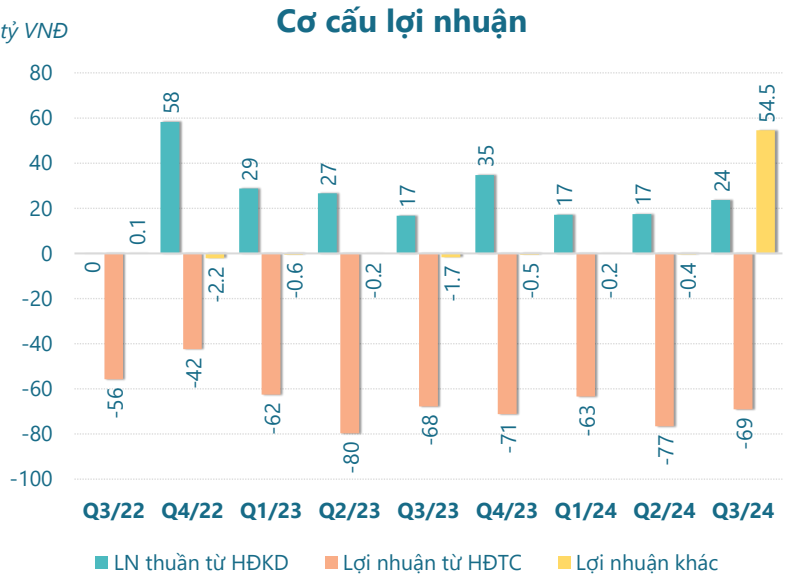
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 23.67 tỷ đồng**, tăng thêm 36.3% so với kỳ trước và cao hơn 42.0% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 69.13 tỷ đồng** tăng thêm 7.40 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 1.35 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 54.48 tỷ đồng**, tăng thêm 54.88 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 56.21 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **SHI** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **2,568 tỷ đồng** tăng thêm **21.5%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 57.84 tỷ đồng, tăng trưởng 581%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **7,329 tỷ đồng** cao hơn 6.59% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 80.00 tỷ đồng** cao hơn 86.0% so với cùng kỳ năm trước.



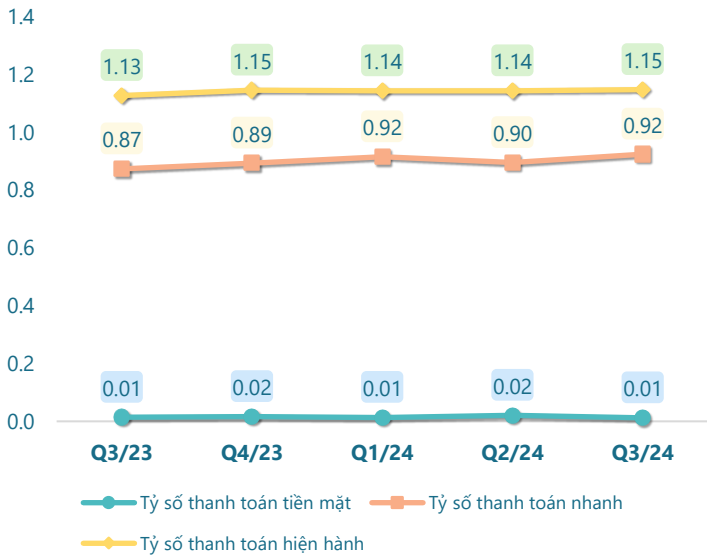
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **69.23 tỷ đồng** giảm đi 8.35% so với kỳ trước và thấp hơn 6.07% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **157.3 tỷ đồng** tăng thêm 25.8% so với kỳ trước và cao hơn 34.8% so với cùng kỳ năm trước.

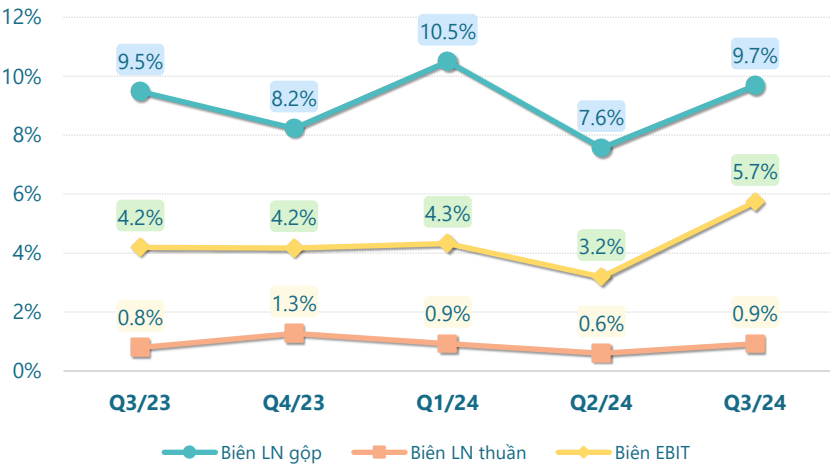
Chi phí khác bằng **1.35 tỷ đồng** giảm đi 23.7% so với kỳ trước và thấp hơn 44.4% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,568	2,900	-11.5%	2,114	21.5%	7,329	6,876	6.6%
Giá vốn hàng bán	2,319	2,680	-13.5%	1,914	21.2%	6,666	6,260	6.5%
Lợi nhuận gộp	249	219	13.6%	200	24.4%	664	616	7.7%
Doanh thu HĐTC	18.8	20.0	-5.9%	15.0	25.5%	52.3	58.1	-9.9%
Chi phí TC	88.0	96.6	-9.0%	82.8	6.2%	261	268	-2.5%
Chi phí lãi vay	69.2	75.5	-8.3%	73.7	-6.1%	208	238	-12.4%
LN trong công ty LKLD	1.28	-0.47	372%	0.65	96.8%	1.35	0.11	1178%
Chi phí bán hàng	113	88.8	26.8%	77.3	45.7%	274	210	30.5%
Chi phí QLDN	44.7	36.2	23.4%	39.4	13.4%	123	124	-0.4%
LN thuần từ HĐKD	23.7	17.4	36.0%	16.7	41.7%	58.2	72.1	-19.3%
Lợi nhuận khác	54.5	-0.40	13721%	-1.73	3249%	53.9	-2.44	2310%
LN trước thuế	78.2	17.0	360%	14.9	424%	112	69.6	60.9%
Lợi nhuận sau thuế	57.8	11.5	403%	8.49	581%	79.6	43.1	84.9%
LNST của CĐ cty mẹ	49.1	1.87	2528%	8.24	496%	52.1	22.0	137%

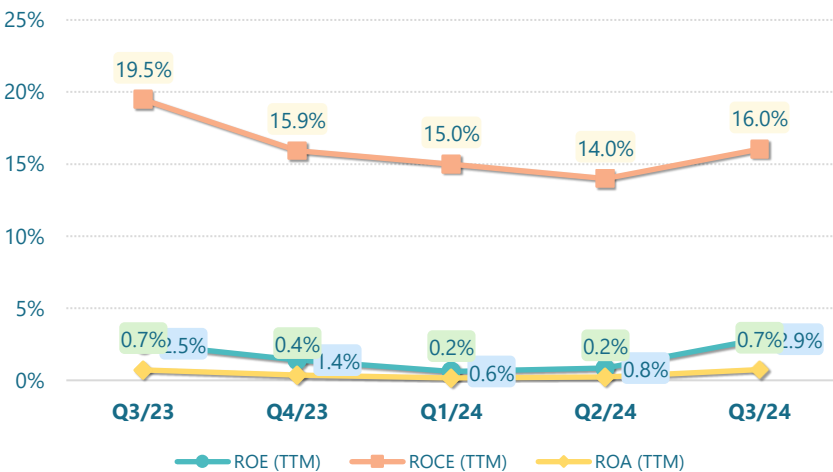
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

